ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC LÀM THÊM ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI(*)

NGUYỄN THỊ YẾN
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 18/4/2025. Sửa chữa xong 28/4/2025. Duyệt đăng 05/5/2025.

Abstract

Part-time employment has become a prevalent trend among university students today, not only helping them reduce financial pressure but also providing opportunities to gain practical experience and develop professional skills. This paper focuses on analyzing the effects of part-time employment on the academic performance of students at Hanoi Law University and proposes several solutions to help students achieve a reasonable balance between part-time work and their academic outcomes.

Keywords: *Part-time employment, academic performance, impact, students, Hanoi Law University.*

1. Đặt vấn đề

Xu hướng đi làm thêm của sinh viên (SV) hiện nay đã ngày càng phổ biến và trở thành xu thế gắn với đời sống học tập, sinh hoạt của SV khi còn ngồi trên giảng đường. Ở Việt Nam hiện chưa có các số liệu thống kê về tỷ lệ SV làm thêm trên quy mô trên cả nước. Tuy nhiên, một số đề tài khảo sát về vấn đề này ở quy mô nhỏ cho thấy 70-80% SV đang hoặc từng đi làm thêm, theo một nghiên cứu năm 2020 với SV Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 689 trong tổng số 732 SV được khảo sát đã và đang đi làm thêm [1]. Với các cơ sở đào tạo theo hình thức đào tạo tín chỉ đã giúp SV có sự chủ động hơn trong việc lựa chọn đăng ký chương trình học, linh hoạt chọn thời gian học. Cho nên, việc đi làm thêm của SV ngày càng phổ biến hơn và sẽ có những ảnh hưởng nhất định tới kết quả học tập. Nhu cầu đi làm thêm của SV Trường Đại học Luật Hà Nội cũng là một xu thế tất yếu, với hình thức đào tạo tín chỉ của Trường thì SV chủ động sắp xếp thời gian hợp lý để tham gia các công việc làm thêm khác nhau. Song, việc đi làm thêm cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến kết quả học tập của SV. Trong phạm vi bài viết này sẽ làm rõ một số ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của SV, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả học tập của SV Trường Đại học Luật Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả có sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học bao gồm: 1) Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi an két với tổng mẫu là 380 SV tham gia trả lời bảng câu hỏi [2, tr. 55]; 2) Phương pháp phân tích tài liệu: Đề tài tìm hiểu các tài liệu, số liệu liên quan tới việc làm thêm, các kết quả nghiên cứu, sách, báo của các tổ chức, cơ quan và cá nhân có thực hiện về vấn đề việc làm thêm và sự ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng việc làm thêm của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội

Việc làm thêm là những công việc mà người lao động làm thêm ngoài giờ làm việc chính để kiếm thêm thu nhập hoặc phát triển kỹ năng mới. Như vậy, việc làm thêm là hoạt động lao động tạo ra thu

(*) Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp cơ sở của Trường Đại học Luật Hà Nội: "Ảnh hưởng của việc làm thêm đến hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội", năm 2025.

Email: yennt@hlu.edu.vn

nhập mà không bị pháp luật cấm với những công việc mang tính chất không chính thức, không cố định bên cạnh một công việc chính thức. Với tổng số mẫu khảo sát là 380 SV ở các khóa đào tạo khác nhau, có 285 SV chiếm 75% lựa chọn có đang đi làm thêm, còn lại 95 SV chiếm 25% hiện tại không đi làm thêm. Mục đích đi làm thêm của SV chủ yếu là:

TT	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
1	Có thêm thu nhập trang trải cuộc sống	216	75.8
2	Muốn tự khẳng định bản thân	60	21.1
3	Được trải nghiệm, tích lũy kiến thức sống	211	74.0
4	Có cơ hội phát triển kỹ năng chuyên môn và kỹ năng giao tiếp	132	46.3
5	Tận dụng thời gian rảnh rỗi	147	51.6
6	Mở rộng mối quan hệ	89	31.2
7	Giảm căng thẳng về học tập	33	11.6
8	Tìm kiếm và khám phá sở thích của bản thân	52	18.2
9	Hỗ trợ gia đình	107	37.5

Bảng 1: Mục đích đi làm thêm của SV

Kết quả ở bảng số liệu trên chỉ ra việc có thêm thu nhập để trang trải cuộc sống là mục đích chủ yếu được nhiều SV lựa chọn nhất để lý giải cho việc tham gia thị trường làm thêm khi còn trên ghế nhà trường, với số SV đồng tình có 216 em, chiếm tới 75.8%. Tiếp theo đó, mục đích tích lũy kinh nghiệm, kiến thức sống và kiến thức thực tế cũng là một mục đích mà nhiều SV hướng tới, với 211 SV tán thành, chiếm 74% tổng số khách thể. Kết quả này có sự tương đồng cũng như khác biệt nhất định so với các nghiên cứu đi trước tại Việt Nam. Chẳng hạn, một nghiên cứu của nhóm tác giả Lê Thúy Hường, Hoàng Thị Thu Hiền, Nguyễn Dương Cầm và Phạm Thị Thanh Thủy (2021) về thực trạng đi làm thêm của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương chỉ ra rằng, trong số các SV đang đi làm thêm, lý do chủ yếu được đưa ra là nhằm kiếm thêm thu nhập, với tỉ lệ SV tán thành đạt 42.2% và khẳng định bản thân đạt tỉ lệ 42.2% [3].

TT	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
1	Dưới 6 tháng	104	36.5
2	Từ 6 tháng - 1 năm	52	18.2
3	Trên 1 năm	57	20.0
4	Trên 2 năm	72	25.3
Tổng		285	100.0

Bảng 2: Thời gian đi làm thêm của SV

Theo đó, đa số SV trong nghiên cứu này đã đi làm thêm dưới 6 tháng, với n = 104, chiếm 36.5%. Tiếp đó là số SV đi làm thêm trên 2 năm, đạt 25.3% với 72 em. Số lượng SV đã đi làm thêm từ 6 tháng đến 1 năm và trên 1 năm là tương đương nhau, lần lượt là 52 và 57 SV, đạt 18.2% và 20.0%.

TT	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
1	Địa điểm đi làm thêm gần với nơi ở	130	45.6
2	Thu nhập cao	48	16.8
3	Thời gian làm việc linh hoạt	206	72.3
4	Mối quan hệ tốt với nhân viên khác	78	27.4
5	Mối quan hệ tốt với chủ nơi đi làm thêm	92	32.3
6	Môi trường làm việc an toàn	155	54.4
7	Được thêm tiền thưởng/thu nhập tăng thêm	76	26.7
8	Ý kiến khác	6	2.1

Bảng 3: Những thuận lợi khi đi làm thêm của SV

Thời gian và địa điểm làm thêm là những yếu tố thuận lợi được cân nhắc nhiều hơn cả đối với quyết

định đi làm thêm của SV, trong đó, thời gian được coi trọng hơn, với 206 SV lựa chọn, đạt 72.3% và địa điểm thuận tiện, gần nơi ở có 130 SV đồng ý, với tỉ lệ 45.6%. Môi trường làm việc cũng là một yếu tố quan trọng, với hơn 54% SV cân nhắc (n = 155). Bên cạnh những thuận lợi, SV cũng cho biết một số khó khăn gặp phải trong quá trình đi làm thêm như: Địa điểm làm thêm xa, thời gian làm việc kéo dài, thu nhập không cao,… Để tối ưu hóa lợi ích của việc làm thêm đối với SV Trường Đại học Luật Hà Nội thì SV cần có sự hỗ trợ từ phía nhà trường và xã hội giúp SV có thể lựa chọn công việc làm thêm phù hợp, vừa kiếm thêm thu nhập nhưng vừa nâng cao được kiến thức chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thực tế nhưng song song vẫn phải đảm bảo các quy định lao động.

3.2. Một số ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên

Dựa trên tổng quan các tài liệu nghiên cứu, tác giả đã xác định một số nhóm yếu tố của việc làm thêm có ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV. Mỗi nhóm yếu tố bao gồm các biến độc lập cụ thể được liệt kê ở bảng sau, với mỗi biến độc lập được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ: 1=Rất không đồng ý, 2=Không đồng ý, 3=Phân vân, 4=Đồng ý, 5=Rất đồng ý. Với các nhóm biến độc lập với: Loại công việc làm thêm; Thời gian làm thêm; Mức lương; Sự linh hoạt của công việc; Khoảng cách đến nơi làm việc; Hỗ trợ tài chính từ gia đình. Kết quả học tập được xác định dựa trên điểm trung bình tích lũy (GPA) ở học kỳ gần nhất của SV.

Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của SV ở trên những khía cạnh tích cực và tiêu cực, nếu được định hướng tốt thì sẽ là cơ hội để SV phát triển toàn diện. Vì vậy, qua phân tích tương quan giữa các biến độc lập và các biến phụ thuộc ta thấy một số biến có ý nghĩa thống kê.

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn số		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Std. Error	Beta			Toler-ance	VIF
Hằng số	**3.307**	**0.100**		**33.200**	**0.000**		
CVLT1. Công việc làm thêm của tôi gần với ngành học	-0.031	0.011	-0.201	-2.763	0.006	0.770	1.298
KC1. Công việc làm thêm của tôi gần với địa điểm sinh sống	-0.028	0.014	-0.158	-2.094	0.037	0.716	1.397
HTTGĐ2. Gia đình hỗ trợ một phần chi phí học tập, sinh hoạt cho tôi	0.031	0.012	0.185	2.470	0.014	0.728	1.374
R^2 hiệu chỉnh (Adjust R square): 0.006 Giá trị sig kiểm định ANOVA: 0.011							

Bảng 4: Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính đa biến giữa các biến độc lập liên quan đến làm thêm và kết quả học tập của SV

Ghi chú: Công việc làm thêm (CVLT); Khoảng cách (KC); Hỗ trợ từ gia đình (HTTGĐ)

Phép hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để kiểm định các biến độc lập trong mô hình có tác động đến kết quả học tập hay không. Kết quả cho thấy, dù có ý nghĩa về mặt thống kê (với giá trị sig. ANOVA là 0.011) nhưng mô hình hồi quy còn khá yếu khi chỉ số R^2 hiệu chỉnh chỉ bằng 0.006. Nghĩa là, các biến độc lập này chỉ giải thích được 0,6% sự biến thiên kết quả học tập của SV. Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến, thì dò tìm hiện tượng đa cộng tuyến bằng cách tính độ chấp nhận của biến (Tolerance) và hệ số phóng đại phương sai (VIF). Hệ số VIF < 2 nghĩa là hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập ảnh hưởng không đáng kể đến mô hình. Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các biến có giá trị dao động từ 1.298 đến 1.397. Do đó, có thể kết luận mô hình hồi quy tuyến tính bội không có hiện tượng đa cộng tuyến. Như vậy, mối quan hệ giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đến việc giải thích mô hình hồi quy tuyến tính bội. Với kết quả ở bảng trên cho thấy các biến độc lập như: công việc làm thêm gần với ngành học; công việc làm thêm gần với địa điểm sinh sống; gia đình hỗ trợ một phần chi phí học tập, sinh hoạt được ghi nhận có ảnh hưởng có ý nghĩa về mặt thống kê đến kết quả học tập của SV ($p<0.05$). Do vậy, phương trình hồi quy có dạng như sau: KQHT = 3.307 + (-0.031)* CVLT1 + (-0.028)* KC1 + 0.031* HTTGĐ2.

Như vậy, khi SV có lựa chọn các công việc làm thêm mà càng liên quan đến ngành học thì kết quả học tập của họ sẽ thấp hơn (B=(-0.031), p=0.006). Mặc dù việc làm thêm đúng chuyên ngành thường được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện cho SV tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và hỗ trợ cho quá trình học tập, kết quả phân tích hồi quy lại chỉ ra mức độ đồng thuận của SV đối với việc lựa chọn công việc liên quan đến ngành học có mối quan hệ nghịch chiều với kết quả học tập ở kỳ gần nhất. Cụ thể, SV càng tham gia nhiều vào các công việc chuyên môn thì kết quả học tập càng có xu hướng suy giảm. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc các công việc chuyên môn thường đòi hỏi mức độ tư duy, trách nhiệm và kỹ năng cao hơn so với các công việc giản đơn, dẫn đến việc SV phải dành nhiều thời gian và tâm sức, gây ra tình trạng mệt mỏi, áp lực và mất cân bằng giữa học tập và công việc. Bên cạnh đó, một bộ phận SV có xu hướng đồng nhất kinh nghiệm thực tiễn với kiến thức học thuật, từ đó giảm thiểu mức độ đầu tư cho việc học tại trường, mặc dù thực tế hai lĩnh vực này không hoàn toàn tương đồng. Thêm vào đó, tâm lý chủ quan kết hợp với cường độ làm việc cao đã ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tập trung và chuẩn bị cho các kỳ thi hoặc các nhiệm vụ học thuật qua đó làm suy giảm rõ rệt kết quả học tập. Với các công việc làm thêm của SV mà gần với địa điểm sinh sống cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả học tập (B=(-0.028), p=0.037), khi về khoảng cách đến nơi làm việc càng gần thì giúp SV có thể tiết kiệm chi phí đi lại cũng như tiết kiệm thời gian, có nhiều thời gian để dành thêm cho việc học. Tuy nhiên, kết quả phân tích hồi quy cho thấy khoảng cách từ nơi sinh sống đến địa điểm làm thêm càng gần thì kết quả học tập của SV càng có xu hướng suy giảm. Mặc dù công việc làm thêm gần nơi ở mang lại sự thuận tiện trong việc di chuyển và tiết kiệm thời gian, yếu tố này lại tiềm ẩn những ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả học tập. Khoảng cách gần khiến SV dễ dàng gia tăng tần suất và thời lượng làm việc do cảm giác thoải mái và ít áp lực về di chuyển, từ đó làm mờ ranh giới giữa thời gian dành cho học tập và làm việc. Hệ quả là SV khó duy trì lịch trình học tập ổn định, dẫn đến suy giảm khả năng tiếp thu kiến thức. Bên cạnh đó, tranh thủ làm thêm giữa các buổi học làm giảm thời gian nghỉ ngơi và chuẩn bị bài vở, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả học tập. Sự tiện lợi trong việc tiếp cận nơi làm việc còn dẫn đến tâm lý chủ quan trong việc tổ chức và quản lý thời gian, làm gia tăng nguy cơ xao nhãng việc học. Do vậy, khoảng cách địa lý gần giữa nơi ở và nơi làm thêm không nhất thiết đồng nghĩa với việc nâng cao hiệu quả học tập nếu SV thiếu sự cân bằng và kiểm soát hợp lý quỹ thời gian của bản thân.

Ngoài ra, kết quả phân tích hồi quy cho thấy yếu tố hỗ trợ tài chính từ gia đình có tác động đáng kể đến mức độ SV cần tham gia làm thêm (B=0.031; p=0.014), qua đó ảnh hưởng gián tiếp tới kết quả học tập. Cụ thể, SV nhận thức được sự hỗ trợ một phần chi phí học tập và sinh hoạt từ gia đình có xu hướng chịu áp lực tài chính thấp hơn, từ đó chủ động giới hạn số giờ làm thêm và định hướng công việc theo mục tiêu tích lũy kinh nghiệm chuyên môn thay vì ưu tiên thu nhập. Sự hỗ trợ này giúp SV duy trì sự tập trung vào việc học, giảm căng thẳng tài chính và lựa chọn các công việc phù hợp với định hướng nghề nghiệp dài hạn. Ngược lại, đối với SV thiếu hỗ trợ tài chính, nhu cầu kiếm thêm thu nhập thường dẫn đến việc lựa chọn những công việc yêu cầu thời gian và áp lực cao, từ đó làm gia tăng nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập. Như vậy, sự hỗ trợ tài chính từ gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết mức độ tham gia làm thêm của SV và góp phần duy trì hiệu suất học tập. Kết quả nghiên cứu tương tự đối với SV khối ngành Kinh tế khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố về loại công việc làm thêm, thời gian làm thêm, mức lương, sự linh hoạt của công việc, khoảng cách đến nơi làm việc đều là yếu tố có liên quan đến làm thêm tác động đến kết quả học tập của SV [4].

Một nghiên cứu khác cũng cho kết quả tương tự, nghiên cứu đã thực hiện khảo sát nội bộ K30 Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đi làm thêm và kết quả học tập của SV. Qua khảo sát bằng phương pháp chọn mẫu với cỡ mẫu là 300 SV, sau đó tiến hành đánh giá kiểm định bằng Excel và phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy SV đi làm thêm ảnh hưởng nhiều đến kết quả học tập so với SV không làm thêm và SV làm thêm vào các thời gian ban ngày thì có sự ảnh hưởng nhiều hơn so với SV làm vào thời gian buổi tối [5]. Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy việc SV lựa chọn công việc làm thêm gần đúng với chuyên ngành đang theo học cũng như công việc có khoảng cách địa lý gần nơi sinh sống có xu hướng ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ đặc thù của các công việc chuyên môn, vốn đòi hỏi mức độ tập trung cao, khối lượng công việc lớn và áp lực hoàn thành nhiệm vụ, khiến cho SV khó duy trì sự cân bằng giữa học tập và làm

thêm. Đồng thời, sự thuận tiện về khoảng cách địa lý tạo điều kiện để SV gia tăng thời lượng làm việc hoặc tranh thủ làm thêm trong quỹ thời gian hạn chế, điều này dễ dẫn đến tình trạng quá tải, tthiếu thời gian cho việc nghỉ ngơi và suy giảm hiệu quả học tập. Ngược lại, yếu tố hỗ trợ tài chính thông qua việc làm thêm lại cho thấy ảnh hưởng tích cực đối việc kết quả học tập. Khi áp lực tài chính được giảm bớt, SV có điều kiện tập trung hơn vào việc học, tăng cường khả năng đầu tư thời gian cho việc nghiên cứu và ôn tập. Những kết quả này cho thấy ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm công việc như mức độ liên quan tới chuyên ngành hay sự tiện lợi về khoảng cách mà còn chịu tác động đáng kể bởi cách thức SV quản lý thời gian, xác lập mục tiêu công việc và sử dụng nguồn thu nhập để hỗ trợ quá trình học tập của SV.

3.3. Giải pháp cân bằng giữa việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên

Trong bối cảnh chi phí học tập và sinh hoạt gia tăng, cho nên việc làm thêm trở thành giải pháp thiết yếu giúp SV duy trì việc học tập và thích ứng với áp lực kinh tế. Tuy nhiên, việc phân bổ thời gian chưa hợp lý và lựa chọn công việc không phù hợp chuyên ngành có thể ảnh hưởng tới kết quả học tập của SV. Vì vậy, việc đưa ra các giải pháp cân bằng giữa việc đi làm thêm với kết quả học tập không chỉ có ý nghĩa về mặt học thuật mà còn là cơ sở thực tiễn quan trọng để xây dựng chính sách hỗ trợ cho SV vừa đảm bảo kết quả học tập tốt, vừa đi làm thêm. Để đi làm thêm thực sự mang lại giá trị tích cực cho việc học tập, SV rất cần sự hỗ trợ từ nhà trường, gia đình và xã hội nhằm định hướng đúng đắn và tạo điều kiện cho SV phát triển một cách toàn diện.

3.3.1. Về phía sinh viên

Trong bối cảnh áp lực tài chính và yêu cầu tích lũy kinh nghiệm ngày càng gia tăng, việc làm thêm trở thành lựa chọn phổ biến của SV. Để đảm bảo hiệu suất học tập, SV cần xác định rõ mục tiêu làm thêm, lựa chọn công việc phù hợp và ưu tiên học tập. Việc lập kế hoạch thời gian khoa học, sử dụng các công cụ hỗ trợ như Google Calendar hoặc Notion sẽ giúp SV cân đối tốt giữa học và làm.

Ưu tiên các công việc liên quan đến chuyên ngành hoặc có lịch trình linh hoạt sẽ giảm thiểu được tác động tiêu cực đến kết quả học tập, đồng thời SV cũng cần duy trì các phương pháp học khoa học, tận dụng thời gian trống hợp lý.

Chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần, thông qua việc ngủ đủ, dinh dưỡng hợp lý và vận động thường xuyên sẽ giúp SV duy trì hiệu suất học tập, ngoài ra chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ giảng viên, nhà trường và các tổ chức hỗ trợ SV giúp SV tháo gỡ các khó khăn trong học tập để có thể đạt được kết quả học tập tốt hơn.

3.3.2. Về phía nhà trường

Để hỗ trợ SV cân bằng giữa học tập và làm thêm, nhà trường cần tập trung xây dựng quỹ học bổng, mở rộng hỗ trợ tài chính và điều chỉnh mức học phí hợp lý. Song song với đó, nhà trường cần phát triển chương trình đào tạo linh hoạt bao gồm giảng dạy trực tuyến, thời khóa biểu linh hoạt giúp SV chủ động sắp xếp thời gian lịch học phù hợp với công việc làm thêm. Bên cạnh đó việc đào tạo kiến thức nhà trường cần cung cấp dịch vụ tư vấn học tập, nghề nghiệp, kỹ năng mềm và pháp lý, đồng thời tổ chức các chương trình rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, giao tiếp và làm việc nhóm Đặc biệt, nhà trường cần đẩy mạnh sự hợp tác với các doanh nghiệp bên ngoài giúp SV tích lũy thêm kinh nghiệm thực tế trong quá trình học tập. Hơn nữa cần cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực và đầu tư vào cơ sở vật chất, thu viện số và công nghệ để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập.

3.3.3. Về phía xã hội

Cần có sự hỗ trợ cho SV để cân bằng giữa học tập và đi làm thêm bằng cách xây dựng chính sách tuyển dụng linh hoạt, đảm bảo quyền lợi lao động và giới hạn làm việc hợp lý. Đồng thời, mở rộng hệ thống học bổng, quỹ vay vốn ưu đãi và trợ cấp sinh hoạt cho SV để giảm áp lực tài chính. Việc tạo môi trường làm việc thân thiện, phát triển trung tâm giới thiệu việc làm uy tín và tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng mềm cho SV cũng quan trọng, giúp SV phát triển toàn diện và nâng cao được kết quả học tập.

Xem tiếp trang 189